

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



LÊ THỊ NGỌC HUYỀN

**PHÁP LUẬT VỀ THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ
TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ,
QUA THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2020

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Thị Hồng Trinh**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	4
6. Bố cục của luận văn	5
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ	6
1.1. Khái quát chung về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	6
1.1.1. Khái niệm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.....	6
1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.....	6
1.2. Khái niệm và pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ.....	7
1.2.1. Khái niệm phương thức tín dụng chứng từ.....	7
1.2.2. Nội dung pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ	7
1.2.2.1. Quy trình thanh toán tín dụng chứng từ.....	7
1.2.2.2. Các loại tín dụng chứng từ	8
1.2.2.3. Nội dung cơ bản của thư tín dụng	9
1.2.3. Nguồn luật điều chỉnh phương thức tín dụng chứng từ trong thanh toán quốc tế	9
1.2.4. Ưu điểm và nhược điểm của việc sử dụng phương thức tín dụng chứng từ trong thanh toán quốc tế.....	10
Kết luận Chương 1	12
Chương 2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM.....	13
2.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	13
2.1.1. Tình hình xuất, nhập khẩu Việt Nam.....	13

2.1.2. Vai trò của hoạt động thanh toán quốc tế nói chung, của phương thức thanh toán tín dụng chứng từ nói riêng của các Ngân hàng thương mại	13
2.1.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ	14
2.1.4. Một số điểm cần lưu ý khi sử dụng phương thức thanh toán chứng từ ...	14
2.2. Đánh giá việc áp dụng pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ.....	15
2.2.1. Về thanh toán hàng nhập khẩu theo phương thức tín dụng chứng từ	15
2.2.2. Về thanh toán hàng xuất khẩu theo phương thức tín dụng chứng từ	15
2.2.3. Những rủi ro chủ yếu trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ ..	15
2.2.4. Một số tranh chấp về thanh toán tín dụng chứng từ ở Việt Nam.....	16
Kết luận Chương 2	17
Chương 3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ.....	18
3.1. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng phương thức thanh toán tín dụng chứng từ.....	18
3.1.1. Đối với cơ quan quản lý vĩ mô của Nhà nước	18
3.1.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước.....	18
3.1.3. Đối với Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh Xuất Nhập khẩu	19
3.2. Một số giải pháp chủ yếu nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro trong thanh toán theo phương thức tín dụng chứng từ tại các ngân hàng thương mại	19
3.2.1. Hiện đại hóa công nghệ Ngân hàng, đặc biệt là công nghệ ứng dụng vào thanh toán quốc tế theo phương thức tín dụng chứng từ.....	19
3.2.2. Giải pháp nhân sự và đào tạo nhân sự.....	19
3.2.3. Tăng cường công tác tiếp thị, khuyến mãi nhằm thu hút khách hàng trong nghiệp vụ thanh toán quốc tế theo phương thức tín dụng chứng từ	20
3.2.4. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát	20
3.2.5. Đa dạng hoá các ngoại tệ trong kinh doanh và dịch vụ	21
Kết luận Chương 3	22
KẾT LUẬN	23

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, hoạt động thương mại đang diễn ra rất mạnh mẽ trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Cùng với xu thế mở cửa và hội nhập, hoạt động kinh tế nói chung, hoạt động kinh tế đối ngoại nói riêng ngày càng được mở rộng. Sự giao lưu buôn bán hàng hóa giữa các quốc gia khác nhau với khối lượng ngày một lớn đã đòi hỏi quá trình thị trường hàng hóa xuất nhập khẩu phải nhanh chóng thuận tiện cho các bên. Với xu thế đó, không thể không kể đến hoạt động thanh toán quốc tế với nhiều phương thức thanh toán đa dạng và phong phú. Trong các phương thức thanh toán này thì tín dụng chứng từ là phương thức thanh toán được các bên sử dụng phổ biến nhất trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế vì các đặc tính tối ưu của nó.

Việc nắm vững, hiểu rõ các quy định của pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế sẽ giúp các chủ thể kinh doanh ký kết và thực hiện hợp đồng được thuận lợi và hiệu quả. Tuy nhiên, một thực tế là còn khá nhiều thương nhân trong nước tỏ ra lúng túng khi thực hiện các hợp đồng mua bán hàng hoá bằng thanh toán tín dụng chứng từ, từ đó dẫn đến những tranh chấp đáng tiếc xảy ra giữa các thương nhân với nhau trong quan hệ mua bán hàng hoá. Đó cũng là lý do mà người viết lựa chọn đề tài: ***“Pháp luật về thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, qua thực tiễn ở Việt Nam”*** làm luận văn tốt nghiệp của mình. Qua việc triển khai nghiên cứu để làm sáng tỏ hơn nữa một số vấn đề lý luận và thực tiễn việc áp dụng các quy định pháp luật về thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế qua thực tiễn ở Việt Nam để từ đó đưa ra một số biện pháp ngăn ngừa, hạn chế rủi ro trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ để thúc đẩy hoạt động thương mại quốc tế phát triển.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Phương thức thanh toán quốc tế nói chung, phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng đã đề cập trong nhiều văn bản pháp luật quốc gia trong nước và ngoài nước, trong pháp luật quốc tế, trong các công trình nghiên cứu của các tác giả khác nhau.

Khoa học pháp lý Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập tới các vấn đề khác nhau của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế như: Võ Sỹ Mạnh (2015) “Vi phạm cơ bản hợp đồng theo quy định của Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và định hướng hoàn thiện các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam”, Luận án tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh; Trương Hải Yến (2012) “Các phương thức thanh toán quốc tế nhìn dưới góc độ lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý đối với nhà xuất khẩu hoặc nhà nhập khẩu”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội; Nguyễn Thị Mai (2014) “Công ước viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội; Trương Thị Thùy Dương (2018) “Hợp đồng mua bán hàng hóa theo pháp luật Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Huế; Ngô Hữu Thuận (2019) “Chế tài Hủy hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Công ước viên 1980 và theo pháp luật Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Huế; “Xử lý hợp đồng vô hiệu trong lĩnh vực thương mại” của Phạm Nguyên Linh (2008), Tạp chí luật học số 11/2008; Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế, nhận dạng tranh chấp, biện pháp ngăn ngừa và phương pháp giải quyết. NXB CTQG. Hà Nội, 2010. Những công trình trên đã có những nghiên cứu nhiều khía cạnh khác nhau của hợp đồng mua bán hàng hóa nhưng các tác giả chưa nghiên cứu để làm sáng tỏ hơn nữa một số vấn đề lý luận và thực tiễn việc áp dụng các quy định pháp luật về thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế qua thực tiễn ở Việt Nam.

Ngoài ra, còn có nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, các hội nghị như: “Án lệ số 13/2017/AL về hiệu lực thanh toán của thư tín dụng (L/C) trong trường hợp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là cơ sở của L/C bị hủy bỏ” Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14/12/2017 và được công bố theo Quyết định 299/QĐ-CA ngày 28/12 năm 2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Luật Việt Nam ngày 06/11/2019...

Ở nước ngoài, cũng có một số công trình nghiên cứu liên quan đến vi phạm cơ bản và chế tài xử lý vi phạm trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, có thể kể đến như:

- Công trình nghiên cứu của tác giả Jorge Ivan Salazar Tamez: “The CISG Remedies of Specific Performance, Damages and Avoidance, Compared to the

Equivalent in the Mexican Law on Sales” (Dịch ra tiếng Việt là Các chế tài buộc thực hiện đúng hợp đồng, bồi thường thiệt hại và hủy hợp đồng, so sánh với các chế tài có liên quan trong Luật mua bán của Mexico) được Nxb ProQuest Information and Learning Company xuất bản năm 2007.

Những công trình khoa học trên là tài liệu vô cùng quý giá giúp tác giả có thêm nhiều thông tin quan trọng để phục vụ cho việc nghiên cứu luận văn của mình. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên chỉ đi vào vấn đề chung, về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, không nghiên cứu cụ thể và toàn diện về thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế thực tiễn ở Việt Nam. Vì những lý do đó, tác giả lựa chọn đề tài “Pháp luật về thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, qua thực tiễn ở Việt Nam” để nghiên cứu cho luận văn của mình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, luận văn đề xuất một số biện pháp ngăn ngừa, hạn chế rủi ro trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ nhằm tạo cơ sở pháp lý thuận lợi và dễ áp dụng cho các chủ thể kinh tế Việt Nam trong giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, cho các cơ quan giải quyết tranh chấp của Việt Nam trong việc giải quyết tranh chấp về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nói trên, luận văn có các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

Thứ nhất, nghiên cứu khái quát các quy định về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ hiện hành và vai trò của phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong hoạt động ngoại thương;

Thứ hai, làm rõ các lợi ích và rủi ro về mặt pháp lý đối với phương thức thanh toán tín dụng chứng từ và các nhân tố tác động đến lợi ích và rủi ro pháp lý khi các chủ thể kinh tế lựa chọn áp dụng trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế;

Thứ ba, trên cơ sở phân tích thực trạng lợi ích và rủi ro pháp lý của phương thức thanh toán tín dụng chứng từ khi các chủ thể kinh tế lựa chọn áp dụng trong

hợp đồng thương mại quốc tế, luận văn trình bày một số biện pháp ngăn ngừa, hạn chế rủi ro trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ để thúc đẩy hoạt động thương mại quốc tế phát triển.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn là các quy định pháp luật về thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế bao gồm cơ sở lý luận, đánh giá pháp luật thực định và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam. Đối tượng nghiên cứu của Luận văn còn là những án lệ, những vụ tranh chấp cũng như thực tiễn xét xử của các tòa án và trọng tài của một số quốc gia liên quan đến việc áp dụng các quy định về thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế của các chủ thể kinh tế thỏa thuận mà chủ yếu là thực tiễn áp dụng ở Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về phạm vi nghiên cứu, Luận văn tập trung nghiên cứu vào phương thức thanh toán bằng tín dụng chứng từ mà các bên sử dụng trong hợp đồng thương mại quốc tế với thực tiễn áp dụng quy định về thanh toán tín dụng chứng từ tại Việt Nam.

5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Để giải quyết các yêu cầu mà đề tài đặt ra, trong quá trình nghiên cứu luận văn đã sử dụng các phương pháp luận nghiên cứu chủ yếu là phương pháp nghiên cứu khoa học biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thiện luận văn, các phương pháp nghiên cứu tổng hợp dưới đây cũng được sử dụng như: phương pháp kết hợp lý luận với thực tiễn, hệ thống hóa, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích và tổng hợp, luận giải và phương pháp so sánh luật học.

Luận văn đã sử dụng các phương pháp cụ thể:

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: Nhằm làm sáng tỏ vấn đề lý luận cơ bản về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

- Phương pháp điều tra, bình luận: Tìm hiểu một số án lệ về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ, cũng như bình luận một số tranh chấp về thanh toán tín dụng chứng từ ở Việt Nam, nhằm đánh giá việc thực hiện pháp luật trong thực tế.

- Phương pháp so sánh: Các quy định pháp luật Việt Nam, làm rõ vấn đề cần phân tích, có so sánh với quy định UCP 600 (Các quy tắc và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ).

- Phương pháp phân tích đánh giá: Trên cơ sở phân tích thực trạng lợi ích và rủi ro pháp lý của phương thức thanh toán tín dụng chứng từ khi các chủ thể kinh tế lựa chọn áp dụng trong hợp đồng thương mại quốc tế, nhằm đưa ra một số biện pháp ngăn ngừa, hạn chế rủi ro trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ.

6. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo thì nội dung đề tài luận văn được chia thành ba chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Chương 2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ở Việt Nam

Chương 3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

1.1. Khái quát chung về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

1.1.1. Khái niệm Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Từ quy định tại Điều 1, kết hợp với quy định tại Điều 40, Điều 53 Công ước viên 1980 có thể hiểu hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là sự thỏa thuận giữa các bên có trụ sở thương mại đặt tại các nước khác nhau, theo đó một bên có nghĩa vụ giao hàng, chuyển giao chứng từ liên quan đến hàng hóa và quyền sở hữu về hàng hóa cho bên kia và người mua có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng và nhận hàng.

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế như sau: Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là hợp đồng mua bán hàng hóa có tính chất quốc tế hay có yếu tố nước ngoài, theo đó một bên (người bán) có nghĩa vụ giao hàng, chứng từ liên quan hàng hóa và quyền sở hữu về hàng hóa cho bên kia (người mua) và người mua có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng và nhận hàng.

1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế trước hết đó là một hợp đồng, vì vậy nó mang đầy đủ bản chất và đặc trưng của tất cả các loại hợp đồng nói chung. Ngoài ra, do hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là hợp đồng được kí kết giữa các bên có trụ sở thương mại tại các quốc gia khác nhau, tức là có yếu tố nước ngoài tham gia, vì vậy nó sẽ có những điểm khác biệt nhất định so với hợp đồng mua bán hàng hóa thông thường. Vấn đề đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế rất ít khi được bàn đến trong các tài liệu nghiên cứu. Điều đó không có nghĩa là việc luận giải các đặc điểm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là không quan trọng, mà ngược lại việc phân tích kĩ vấn đề này sẽ cho phép chúng ta có cái nhìn thật cụ thể về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, trên cơ sở đó sẽ tạo điều kiện cho việc phân tích những vấn đề khác.

1.2. Khái niệm và pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ

1.2.1. Khái niệm phương thức tín dụng chứng từ

Phương thức tín dụng chứng từ (Letter of Credit) là một sự cam kết, trong đó, theo yêu cầu của khách hàng (người yêu cầu mở thư tín dụng) một ngân hàng (ngân hàng phát hành thư tín dụng) sẽ phát hành một bức thư, gọi là L/C (Letter of Credit), theo đó ngân hàng phát hành cam kết trả tiền hoặc chấp nhận hối phiếu cho một bên thứ ba (người thụ hưởng L/C) khi người này xuất trình cho ngân hàng phát hành một bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những điều kiện và điều khoản quy định của L/C.

1.2.2. Nội dung pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ

1.2.2.1. Quy trình thanh toán tín dụng chứng từ

Các bên trong quy trình thanh toán tín dụng chứng từ, gồm có: Người yêu cầu mở L/C (Nhà nhập khẩu), Ngân hàng Mở L/C (Ngân hàng của người nhập khẩu), Ngân hàng thông báo L/C (Ngân hàng của người xuất khẩu), Người thụ hưởng (Nhà xuất khẩu).

Hai bên mua, bán ký kết hợp đồng ngoại thương, quy định phương thức thanh toán L/C. Quy trình thanh toán L/C như sau:

Thứ nhất, người nhập khẩu làm đơn đến ngân hàng phục vụ mình đề nghị mở L/C cho người xuất khẩu thụ hưởng.

Thứ hai, căn cứ đơn đề nghị mở L/C, ngân hàng phát hành mở L/C cho người xuất khẩu thụ hưởng. Chuyển bản chính cho người xuất khẩu thông qua ngân hàng thông báo.

Thứ ba, ngân hàng thông báo thông báo L/C cho người thụ hưởng (nhà xuất khẩu).

Thứ tư, người thụ hưởng (nhà xuất khẩu) kiểm tra L/C và tiến hành giao hàng cho người nhập khẩu theo L/C quy định.

Thứ năm, sau khi giao hàng, người xuất khẩu lập bộ chứng từ gửi về ngân hàng phục vụ mình (ngân hàng Thông báo) để yêu cầu thanh toán.

Thứ sáu, ngân hàng thông báo nhận, kiểm tra và chuyển bộ chứng từ bản gốc cho ngân hàng phát hành L/C yêu cầu thanh toán.

Thứ bảy, ngân hàng phát hành kiểm tra chứng từ, nếu thấy phù hợp quy định của L/C thì tiến hành thanh toán.

Thứ tám, ngân hàng Thông báo báo tiền đã vào tài khoản cho người xuất khẩu.

Thứ chín, ngân hàng Mở sẽ xuất trình bộ chứng từ để người nhập khẩu kiểm tra và giao chứng từ cho người nhập khẩu nhận hàng.

1.2.2.2. Các loại tín dụng chứng từ

Một là, thư tín dụng có thể hủy ngang (được gọi là Revocable L/C - L/C hủy ngang) loại thư tín dụng này ít được sử dụng do không đảm bảo quyền lợi của người hưởng lợi L/C.

Hai là, thư tín dụng không thể hủy ngang (được gọi là Irrevocable L/C - L/C không thể hủy ngang) là loại được sử dụng phổ biến nhất.

Ba là, thư tín dụng trực tiếp (được gọi là Straight L/C - L/C có giá trị trực tiếp) là loại L/C yêu cầu chứng từ xuất trình trực tiếp tại ngân hàng mở, do vậy địa điểm hết hạn hiệu lực là ngân hàng mở.

Bốn là, thư tín dụng cho phép chiết khấu (được gọi là Negotiation L/C - L/C có giá trị chiết khấu) là loại L/C cho phép người hưởng có thể chiết khấu bộ chứng từ tại một ngân hàng chỉ định hay tại bất kỳ ngân hàng nào.

Năm là, thư tín dụng trả ngay (được gọi là L/C at Sight - L/C trả ngay) ngân hàng mở L/C cam kết trả tiền ngay cho người hưởng lợi khi xuất trình bộ chứng từ hợp lệ.

Sáu là, thư tín dụng trả chậm (được gọi là Defered L/C - L/C trả chậm) L/C trong đó quy định việc trả tiền cho người bán sẽ được thực hiện sau một thời gian nhất định kể từ ngày giao hàng hoặc ngày xuất trình chứng từ.

Bảy là, thư tín dụng xác nhận (được gọi là Confirm L/C - L/C có xác nhận) là loại L/C không hủy ngang do một ngân hàng mở và được ngân hàng khác xác nhận, tức là đảm bảo trả tiền theo yêu cầu hoặc theo sự ủy nhiệm của ngân hàng mở.

Tám là, thư tín dụng không xác nhận (được gọi là Unconfirm L/C - L/C không xác nhận) là L/C không hủy ngang và không yêu cầu xác nhận.

Chín là, thư tín dụng có thể chuyển nhượng (được gọi là Transferable L/C - L/C chuyển nhượng) là L/C mà theo đó người hưởng lợi đầu tiên có quyền chuyển nhượng toàn bộ hay từng phần L/C đó cho một hay nhiều người hưởng lợi thứ hai.

Mười là, thư tín dụng giáp lưng (được gọi là Back to back L/C - L/C giáp lưng) là loại L/C không thể hủy ngang được mở trên cơ sở một L/C khác.

Mười một là, thư tín dụng đối ứng (được gọi là Reciprocal L/C - L/C đối ứng) là loại L/C chỉ có hiệu lực khi có một L/C khác đối ứng với nó đã được phát hành.

Mười hai là, thư tín dụng tuần hoàn (được gọi là Revolving L/C - L/C tuần hoàn) là loại L/C mà sau khi sử dụng xong lại tiếp tục có giá trị.

Mười ba là, thư tín dụng với điều khoản đỏ (được gọi là Red clause L/C (anticipatory) - L/C có điều khoản đỏ).

Mười bốn là, thư tín dụng dự phòng (được gọi là Stand-by L/C - L/C dự phòng) là một L/C không thể hủy ngang trong đó ngân hàng mở cam kết trả tiền cho người hưởng lợi nếu có sự vi phạm hợp đồng hay thỏa thuận từ phía người xin mở L/C.

1.2.2.3. Nội dung cơ bản của thư tín dụng

Thư tín dụng bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, số hiệu, địa điểm, ngày mở L/C (No of L/C, place and date of issuing)

Thứ hai, loại thư tín dụng (Type of documentary credit)

Thứ ba, tên, địa chỉ của những người liên quan.

Thứ tư, số tiền của thư tín dụng: (Amount of money)

Thứ năm, thời hạn hiệu lực của L/C (Expiry date)

Thứ sáu, thời hạn trả tiền của L/C (Date of payment)

Thứ bảy, thời hạn giao hàng: (Shipment date)

Thứ tám, điều khoản về vận tải và giao nhận hàng hóa.

Thứ chín, các chứng từ mà người xuất khẩu phải xuất trình.

Thứ mười, sự cam kết của ngân hàng mở thư tín dụng.

Thứ mười một, những điều khoản bổ sung thêm (additional conditions)

Ngoài những nội dung kể trên, nếu ngân hàng mở L/C và người nhập khẩu có thể thêm những nội dung khác cần thiết như: phí, trả tiền bằng điện, trả tiền bằng điện cho phép bồi hoàn...

1.2.3. Nguồn luật điều chỉnh phương thức tín dụng chứng từ trong thanh toán quốc tế

Hoạt động thanh toán quốc tế bằng thư tín dụng chịu sự điều chỉnh đồng thời bởi các nguồn luật, công ước quốc tế liên quan và các nguồn luật quốc gia, đồng thời nó chịu sự điều chỉnh trực tiếp bởi các thông lệ và tập quán quốc tế, đó là:

- Quy tắc và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ (Uniform Customs and Practice or Documentary Credit) – viết tắt là UCP.

- Tập quán ngân hàng tiêu chuẩn quốc tế trong kiểm tra chứng từ theo L/C (International Standard Banking Practice Under Documentary Credit) – viết tắt là ISBP.

- Bản phụ trương UCP về xuất trình chứng từ điện tử (Supplement To The Uniform Customs and Practice For Documentary Credit For Electronic PresentationP) - viết tắt là eUCP.

- Quy tắc thống nhất về hoàn trả liên hàng theo L/C (Uniform Rules For Bank-To-Bank Reimbursements Under Documentary Credit) – viết tắt là URR.

1.2.4. Ưu điểm và nhược điểm của việc sử dụng phương thức tín dụng chứng từ trong thanh toán quốc tế

a) Ưu điểm

Đối với người mua.

Phương thức thanh toán L/C giúp người mua có thể mở rộng nguồn cung cấp hàng hoá cho mình mà không phải tốn thời gian, công sức trong việc tìm đối tác uy tín và tin cậy.

Đối với người bán.

Người bán hoàn toàn được đảm bảo thanh toán với bộ chứng từ hợp lệ. Việc thanh toán không phụ thuộc vào nhà nhập khẩu.

Đối với Ngân hàng phát hành.

Thực hiện nghĩa vụ thanh toán này, Ngân hàng thu được các khoản phí thủ tục, ngoài ra, Ngân hàng còn thu hút được một khoản tiền khá lớn (khi có ký quỹ).

b) Nhược điểm

Nhược điểm lớn nhất của hình thức thanh toán này là quy trình thanh toán rất tỷ mỉ, máy móc, các bên tiến hành đều rất thận trọng trong khâu lập và kiểm tra chứng từ. Chỉ cần có một sai sót nhỏ trong việc lập và kiểm tra chứng từ cũng là nguyên nhân để từ chối thanh toán. Đối với Ngân hàng phát hành, sai sót trong việc kiểm tra chứng từ cũng dẫn đến hậu quả rất lớn.

Với người xuất khẩu

Nếu không hiểu rõ về phương thức thanh toán này hoặc do lý do nào đó mà không xuất trình được bộ chứng từ phù hợp với quy định của tín dụng thư hoặc

xuất trình muộn so với thời hạn hiệu lực của tín dụng thư thì khi đó ngân hàng sẽ từ chối thanh toán tiền hàng cho nhà xuất khẩu.

Với người nhập khẩu

Vì tín dụng thư khi được phát hành ra sẽ độc lập với hợp đồng cơ sở và ngân hàng phát hành cũng không chịu trách nhiệm kiểm tra về hình thức, nội dung, hiệu lực pháp lí, tính thật giả, chính xác, của bất kì chứng từ nào trong bộ chứng từ người xuất khẩu lập mà chỉ kiểm tra bề ngoài của bộ chứng từ đó có phù hợp với điều khoản của L/C hay không thì sẽ thanh toán cho người xuất khẩu mà không cần quan tâm xem chất lượng hay hàng hóa có được giao đúng, đủ như trong hợp đồng mua bán ngoại thương (hợp đồng cơ sở) không.

Kết luận Chương 1

Quá trình nghiên cứu trên đã giải quyết những vấn đề lý luận và pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ hiện hành và vai trò của phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong hoạt động ngoại thương. Cụ thể, đã làm rõ các khái niệm có liên quan đến phương thức thanh toán tín dụng chứng từ, như: Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ là gì? Thư tín dụng là gì? UCP là gì? Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế?; làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và pháp luật về quy trình thanh toán tín dụng chứng từ, các loại L/C, nội dung cơ bản của thư tín dụng; nguồn điều chỉnh phương thức tín dụng chứng từ trong thanh toán quốc tế và đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Từ đó, làm cơ sở cho việc nghiên cứu để làm sáng tỏ hơn nữa một số vấn đề lý luận và thực tiễn việc áp dụng các quy định pháp luật về thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế qua thực tiễn ở Việt Nam cũng như đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng những quy định này trong các chương tiếp theo.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM

2.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

2.1.1. Tình hình xuất, nhập khẩu Việt Nam

Năm 2019, tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt kết quả ấn tượng, tăng trưởng kinh tế năm 2019 đạt 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6-6,8%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011 - 2017.

Phương thức thanh toán bằng tín dụng chứng từ được sử dụng rất rộng rãi trong lĩnh vực ngân hàng. Đó là hình thức thanh toán linh hoạt, bảo đảm tính an toàn cho các giao dịch thương mại quốc tế. Trên thực tế, tín dụng chứng từ bắt đầu phát triển từ thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918). Các nhà xuất khẩu ở Bắc Mỹ, do khoảng cách địa lý xa xôi, đã yêu cầu đối tác ở châu Âu mở thư tín dụng để bảo đảm khả năng thanh toán.

2.1.2. Vai trò của hoạt động thanh toán quốc tế nói chung, của phương thức thanh toán tín dụng chứng từ nói riêng của các Ngân hàng thương mại

a) Đối với hoạt động kinh tế đối ngoại

Thanh toán quốc tế là khâu then chốt, cuối cùng để khép kín một chu trình mua bán hàng hoá hoặc trao đổi dịch vụ giữa các tổ chức, cá nhân thuộc các quốc gia khác nhau.

Thanh toán quốc tế là cầu nối trong mối quan hệ kinh tế đối ngoại, nếu không có hoạt động thanh toán quốc tế thì không có hoạt động kinh tế đối ngoại. Thanh toán quốc tế thúc đẩy hoạt động kinh tế đối ngoại phát triển.

Đồng thời, hoạt động Thanh toán quốc tế góp phần hạn chế rủi ro trong quá trình thực hiện hợp đồng ngoại thương.

Tóm lại, có thể nói rằng kinh tế đối ngoại có mở rộng được hay không một phần nhờ vào hoạt động thanh toán quốc tế có tốt hay không. Thanh toán quốc tế

tốt sẽ đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu, phát triển sản xuất trong nước, khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao chất lượng hàng hoá.

b) Đối với hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng thương mại

Đối với hoạt động của Ngân hàng, việc hoàn thiện và phát triển hoạt động thanh toán quốc tế mà nhất là hình thức tín dụng chứng từ có vị trí quan trọng. Nó không chỉ thuần tuý là dịch vụ mà còn được coi là một mặt hoạt động không thể thiếu trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại.

2.1.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ

Trên thực tế, công tác mở L/C đơn giản hơn so với những gì trình bày trong lý thuyết. Nếu không thuộc các trường hợp đặc biệt, người muốn mở L/C chỉ cần mang 1 bản hợp đồng đến Ngân hàng. Tư vấn viên sẽ hướng dẫn khách hàng điền giấy đề nghị mở thư tín dụng và giấy đề nghị mua ngoại tệ (nếu có), xem như hoàn tất bộ hồ sơ.

Theo lý thuyết, người xin mở L/C viết đơn yêu cầu phát hành L/C gửi đến ngân hàng, và vì bản chất pháp lý của đơn yêu cầu này giống như hợp đồng dịch vụ giữa ngân hàng và người xin mở L/C, người xin mở L/C khi viết đơn cần cẩn thận dựa vào các văn bản như: Luật Thương mại Việt Nam năm 2005, Pháp lệnh Ngoại hối Việt Nam năm 2005, các lệnh điều chỉnh Ngân hàng phát hành và người yêu cầu, UCP 600 nếu có điều chỉnh.... Tuy nhiên trên thực tế, tại các Ngân hàng người phải nắm giữ các văn bản này là tư vấn viên - người trực tiếp tư vấn cho khách hàng để điền vào đơn. Một thực tế khác là hầu như các khách hàng này không có kiến thức nhiều về L/C và cũng không có thời gian để tìm hiểu các văn bản điều chỉnh đó.

2.1.4. Một số điểm cần lưu ý khi sử dụng phương thức thanh toán chứng từ

Thanh toán bằng L/C là một phương thức tương đối an toàn cho cả nhà nhập khẩu và nhà xuất khẩu. Tuy nhiên, để sử dụng hiệu quả L/C, đồng thời để bảo đảm lợi ích của mình khi sử dụng L/C như là một phương thức thanh toán, các bên nên lưu ý một số vấn đề được nêu sau đây.

Đối với nhà nhập khẩu thì phải làm thủ tục soạn và nộp đơn yêu cầu phát hành thư tín dụng.

Đặc biệt lưu ý đối với nhà xuất khẩu (người thụ hưởng trong L/C), cần phải kiểm tra kỹ lưỡng thư tín dụng.

Về mặt nội dung của L/C, cần kiểm tra kỹ lưỡng các nội dung sau: số tiền của L/C; ngày hết hạn hiệu lực của L/C; địa điểm hết hạn hiệu lực của L/C; loại L/C (thông thường là thư tín dụng không hủy ngang (Đối với nhà xuất khẩu thì nên chọn L/C không hủy ngang cùng với điều kiện miễn truy đòi và nếu được xác nhận thì càng tốt)); thời hạn giao hàng; cách thức giao hàng; cách vận tải; chứng từ thương mại; hóa đơn; vận đơn; đơn bảo hiểm.

Nói tóm lại L/C với nội dung phù hợp với hợp đồng cơ sở và không trái luật áp dụng sẽ bảo đảm quyền lợi cho cả nhà nhập khẩu và nhà xuất khẩu.

2.2. Đánh giá việc áp dụng pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ

2.2.1. Về thanh toán hàng nhập khẩu theo phương thức tín dụng chứng từ

Hoạt động thanh toán quốc tế theo phương thức tín dụng chứng từ cho hàng hoá nhập khẩu tại các Ngân hàng thương mại không những đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đem lại lợi nhuận cho Ngân hàng mà còn góp phần nâng cao uy tín của hệ thống Ngân hàng Việt Nam. Thanh toán hàng hoá nhập khẩu theo phương thức tín dụng chứng từ đang là một hoạt động chủ yếu của phòng thanh toán quốc tế thuộc các Chi nhánh của các Ngân hàng thương mại.

2.2.2. Về thanh toán hàng xuất khẩu theo phương thức tín dụng chứng từ

Song song với hoạt động thanh toán hàng hoá nhập khẩu theo phương thức tín dụng chứng từ, các Ngân hàng thương mại cũng rất quan tâm tới việc mở rộng hoạt động thanh toán hàng xuất khẩu theo phương thức tín dụng chứng từ. Tuy nhiên, do khách hàng của Ngân hàng chủ yếu là kinh doanh hàng nhập khẩu nên hoạt động thanh toán hàng xuất khẩu theo phương thức tín dụng chứng từ tại Ngân hàng còn có nhiều hạn chế. Đây được coi là một thị trường tiềm năng để phát triển trong thời gian tới. Mặc dù vậy, trình tự thực nghiệp vụ thanh toán hàng hoá xuất khẩu theo phương thức tín dụng chứng từ vẫn được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2.2.3. Những rủi ro chủ yếu trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ

Trong hoạt động ngân hàng, lợi nhuận và rủi ro luôn đi đôi với nhau và có mối quan hệ ngược chiều. Lợi nhuận càng cao thì rủi ro ngân hàng gặp phải càng lớn và ngược lại. Trong hoạt động thanh toán tín dụng chứng từ, ngân hàng cũng không thể tránh khỏi rủi ro. Các rủi ro trong thanh toán tín dụng chứng từ mà ngân hàng và các bên tham gia thường gặp là:

- Rủi ro kỹ thuật
- Rủi ro đối với Nhà Xuất khẩu
- Rủi ro đối với Nhà Nhập khẩu
- Rủi ro đối với ngân hàng phát hành
- Rủi ro đối với ngân hàng thông báo
- Rủi ro đối với ngân hàng xác nhận
- Rủi ro đối với ngân hàng được chỉ định
- Rủi ro đạo đức
- Rủi ro chính trị
- Rủi ro khách quan từ nền kinh tế.

2.2.4. Một số tranh chấp về thanh toán tín dụng chứng từ ở Việt Nam

a) Án lệ số 13/2017/AL về hiệu lực thanh toán của thư tín dụng (L/C) trong trường hợp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là cơ sở của L/C bị hủy bỏ

b) Phán quyết về tranh chấp do không mở thư tín dụng (L/C) để thanh toán tiền hàng

Kết luận Chương 2

Trong những năm qua, các Ngân hàng thương mại đã không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng nghiệp vụ thanh toán, đặc biệt là nghiệp vụ thanh toán tín dụng chứng từ để phục vụ tốt cho khách hàng của mình, đáp ứng nhu cầu thanh toán hàng hoá xuất nhập khẩu qua Ngân hàng, từ đó Ngân hàng đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ. Qua chương này, đã đi sâu tìm hiểu thực tiễn áp dụng pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, đánh giá được vai trò, lợi ích, cũng như những thành tựu đã đạt được mà phương thức tín dụng chứng từ mang lại. Mặt khác, nắm được tình hình xuất, nhập khẩu trong nước, một số điểm cần lưu ý cũng như những hạn chế và rủi ro khi sử dụng phương thức này trong mua bán hàng hóa quốc tế. Để từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của phương thức tín dụng chứng từ trong chương tiếp theo.

Chương 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

3.1. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng phương thức thanh toán tín dụng chứng từ

3.1.1. Đối với cơ quan quản lý vĩ mô của Nhà nước

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò điều khiển vĩ mô Nhà nước ngày càng được khẳng định. Hơn nữa, xu thế quốc tế hoá nền kinh tế của thế giới đã đem lại cho mỗi quốc gia những cơ hội đồng thời cũng là những thách thức lớn. Lúc này, cần phải có bàn tay định hướng của Nhà nước để đưa đất nước đi đúng mục tiêu của mình.

Như vậy, với thực trạng hệ thống pháp luật chưa đồng bộ như nước ta hiện nay, Nhà nước cần sớm ban hành các văn bản pháp luật cho giao dịch thanh toán xuất nhập khẩu, như các văn bản luật, dưới luật quy định và hướng dẫn giao dịch thanh toán theo phương thức tín dụng chứng từ, trong đó quy định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của người mua và người bán trong hợp đồng ngoại thương cũng như quyền và lợi ích của các ngân hàng tham gia trong giao dịch thanh toán tín dụng chứng từ.

3.1.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước

a) Ngân hàng Nhà nước cần có những biện pháp hoàn thiện và phát triển thị trường mua bán ngoại tệ liên ngân hàng

Trong thời gian tới, để hoàn thiện và phát triển thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, ngân hàng Nhà nước và các đối tượng có liên quan cần thực hiện các công việc sau:

Thứ nhất, cần giám sát và buộc các ngân hàng thương mại phải xử lý trạng thái ngoại hối của mình trong ngày bằng việc mua bán ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

Thứ hai, mở rộng đối tượng tham gia vào thị trường.

Thứ ba, phát triển các nghiệp vụ vay mượn ngoại tệ, nghiệp vụ đầu cơ và các hình thức mua bán ngoại tệ như mua bán kỳ hạn, hợp đồng tương lai...

b) Ngân hàng Nhà nước nên thực hiện chính sách tỷ giá hối đoái thích hợp sao cho tỷ giá luôn đảm bảo có lợi cho các nhà xuất nhập khẩu

Ngân hàng Nhà nước với vai trò tham mưu cho Chính Phủ đưa ra những chính sách quản lý ngoại tệ có hiệu quả nhằm ổn định thị trường ngoại tệ, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu.

3.1.3. Đối với Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh Xuất Nhập khẩu

a) Doanh nghiệp tham gia kinh doanh Xuất Nhập khẩu phải có cán bộ chuyên trách về Xuất Nhập khẩu

b) Doanh nghiệp Xuất Nhập khẩu cần tìm hiểu kỹ về đối tác Xuất Nhập khẩu

c) Đẩy mạnh tài trợ hoạt động xuất nhập khẩu

3.2. Một số giải pháp chủ yếu nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro trong thanh toán theo phương thức tín dụng chứng từ tại các ngân hàng thương mại

3.2.1. Hiện đại hóa công nghệ Ngân hàng, đặc biệt là công nghệ ứng dụng vào thanh toán quốc tế theo phương thức tín dụng chứng từ

Thanh toán quốc tế là một trong những hoạt động ngoại bảng mang lại thu nhập cho các ngân hàng thương mại Việt Nam dưới dạng phí ngày một tăng không những về mặt số lượng mà cả tỷ trọng. Tuy nhiên, hoạt động ngoại bảng này lại tiềm ẩn nhiều rủi ro. Do đó, các ngân hàng thương mại muốn kinh doanh có hiệu quả thì một điều kiện không thể thiếu là kỹ thuật, công nghệ hiện đại để cung cấp thông tin chính xác, cập nhật, xử lý tình huống nhanh chóng và an toàn. Các ngân hàng thương mại cần luôn quan tâm và đầu tư thích đáng cho công nghệ thông tin với phương châm công nghệ phải đi trước một bước, phù hợp với quy mô, tốc độ phát triển, định hướng kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ để phát huy được tối đa hiệu quả.

3.2.2. Giải pháp nhân sự và đào tạo nhân sự

Các ngân hàng thương mại trong nước nên xây dựng một quy trình tuyển dụng nhân viên khoa học, chính xác và hợp lý hơn nhằm tuyển dụng được những nhân viên có trình độ và phù hợp với yêu cầu công việc. Bên cạnh đó, cần định kỳ tổ chức các khóa học đào tạo kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ nhân viên về khả năng thực hiện công việc với kỹ thuật công nghệ hiện đại, khả năng ứng xử khi tiếp xúc với khách hàng. Đồng thời, còn cần lập

kế hoạch cử các cán bộ trẻ có năng lực đi đào tạo chuyên sâu ở các lĩnh vực kinh doanh chủ chốt, các dịch vụ mới nhằm xây dựng được đội ngũ chuyên gia giỏi, làm nòng cốt cho nguồn nhân lực trong tương lai.

Trong chính sách đãi ngộ cán bộ cũng cần chú trọng đến trình độ, năng lực của cán bộ và có chính sách thỏa đáng đối với những cá nhân có trình độ chuyên môn cao, có nhiều đóng góp cho ngân hàng.

Về vấn đề đạo đức, ngân hàng cần tăng cường công tác tư tưởng, rèn luyện đạo đức ngân hàng cho cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, có năng lực, kịp thời thay thế các cán bộ yếu kém về năng lực, thoái hoá về phẩm chất đạo đức, nâng cao trình độ cho cán bộ Ngân hàng đặc biệt là nâng cao trình độ tin học, trình độ lập trình quản lý cho cán bộ kỹ thuật. Ngoài ra, ngân hàng cần thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý và điều hành kinh doanh, phát huy tính chủ động sáng tạo của từng cán bộ nhân viên.

3.2.3. Tăng cường công tác tiếp thị, khuyến mãi nhằm thu hút khách hàng trong nghiệp vụ thanh toán quốc tế theo phương thức tín dụng chứng từ

Đối với bất kỳ hoạt động kinh doanh nào thì yếu tố khách hàng rất quan trọng, nhất là trong nền kinh tế thị trường. Trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, đặc biệt là hoạt động thanh toán quốc tế số lượng khách hàng sẽ quyết định tới số lượng và quy mô và còn quyết định tới lợi nhuận của Ngân hàng. Hiện nay, có rất nhiều các doanh nghiệp đã và đang hoạt động có hiệu quả do đó phải khai thác để mở rộng thị trường đối tác, tư vấn cho khách hàng sử dụng các sản phẩm của dịch vụ ngân hàng mình, có chế độ ưu đãi.

Trong môi trường cạnh tranh quyết liệt bởi sự ra đời của hàng loạt các ngân hàng thương mại cổ phần, nhất là sự có mặt của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài, mỗi ngân hàng cần có chính sách khách hàng hấp dẫn, linh hoạt và hiệu quả.

3.2.4. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát

Để đảm bảo hoạt động Thanh toán quốc tế đặc biệt là hoạt động thanh toán hàng hoá xuất nhập khẩu theo phương thức tín dụng chứng từ đi đúng định hướng phát triển và theo đúng hành lang pháp lý của Nhà nước, của ngân hàng, các ngân hàng thương mại trong nước cần tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát. Trước hết, Ngân hàng cần lựa chọn cán bộ tham gia kiểm tra, kiểm soát là những người công tư phân minh, thiết tha với sự nghiệp phát triển của Ngân

hàng. Các cán bộ kiểm tra, kiểm soát phải phát hiện, uốn nắn kịp thời nâng cao nhận thức toàn diện cho nhân viên. Hơn nữa trong thời gian tới, Ngân hàng cần đẩy mạnh công tác kiểm toán nội bộ cho các lĩnh vực như: kiểm toán báo cáo tài chính...

3.2.5. Đa dạng hoá các ngoại tệ trong kinh doanh và dịch vụ

Cùng với sự khôi phục lại của nền kinh tế các nước Châu Á sau đại dịch Covid - 19, thị trường Châu Á đang dần chiếm lại niềm tin đối với nền kinh tế toàn cầu và hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam cũng sẽ có cơ hội tăng trưởng, nhu cầu về ngoại tệ sẽ tăng lên. Do đó, Ngân hàng cần khai thác các nguồn vốn ngoại tệ mạnh để sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh toán hàng hoá xuất nhập khẩu của khách hàng. Chính phủ Việt Nam thực hiện đúng lộ trình như đã cam kết khi gia nhập WTO đồng thời tạo môi trường pháp lý để các ngân hàng thương mại cạnh tranh bình đẳng thực sự với nhau.

Ngoài ra, cần có các biện pháp rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa đối với cơ quan hải quan. Phát triển các dịch vụ đi kèm của phương thức tín dụng chứng từ, như: Dịch vụ thông báo L/C, sửa đổi L/C, Dịch vụ xác nhận L/C, Dịch vụ nhận bộ chứng từ và thanh toán, Dịch vụ chiết khấu truy đòi, Dịch vụ chiết khấu miễn truy đòi, Dịch vụ chuyển nhượng L/C...

Kết luận Chương 3

Trong những năm qua, nền kinh tế mở đã mang lại những chuyển biến tích cực đối với hoạt động kinh tế đối ngoại nói chung và hoạt động ngoại thương nói riêng. Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng qua các năm, nền kinh tế dần được cải thiện và phát triển. Để đạt được kết quả đó phải kể đến sự đóng góp không nhỏ của các ngân hàng với tư cách là trung gian thanh toán quốc tế, trong đó chủ yếu là phương thức thanh toán tín dụng chứng từ đã giúp cho hoạt động thanh toán xuất nhập khẩu diễn ra nhanh chóng và đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, trước sự phát triển mạnh mẽ và đa dạng của thương mại quốc tế thì rủi ro trong hoạt động thanh toán quốc tế nói chung và rủi ro trong thanh toán tín dụng chứng từ nói riêng là điều không thể tránh khỏi. Vì thế, việc phòng ngừa, hạn chế rủi ro là hết sức cần thiết.

Qua chương này, đã đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả phương thức thanh toán tín dụng chứng từ đối với cơ quan quản lý vĩ mô của Nhà nước, với Ngân hàng Nhà nước và doanh nghiệp hoạt động kinh doanh Xuất Nhập khẩu. Đồng thời, đưa ra các giải pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro nhằm áp dụng hiệu quả phương thức tín dụng chứng từ hơn nữa trong hoạt động thương mại quốc tế.

KẾT LUẬN

Việt Nam bước vào nền kinh tế thị trường, ngày càng có xu thế mở cửa và hội nhập, hoạt động kinh tế nói chung, hoạt động kinh tế đối ngoại nói riêng ngày càng được mở rộng. Hoạt động thương mại và Ngân hàng đang ngày một sôi động và phát triển, nhất là khi có sự hiện diện của các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các chi nhánh Ngân hàng nước ngoài. Hoạt động thanh toán hàng hoá xuất nhập khẩu không những tăng lên về kim ngạch mà tăng lên cả về quy mô và chất lượng. Với xu thế đó, không thể không kể đến hoạt động thanh toán quốc tế với nhiều phương thức thanh toán đa dạng và phong phú. Trong các phương thức thanh toán này thì tín dụng chứng từ là phương thức thanh toán được các bên sử dụng phổ biến nhất trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế vì các đặc tính tối ưu của nó.

Qua quá trình nghiên cứu đã giải quyết những vấn đề lý luận và pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ hiện hành và vai trò của phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trong hoạt động ngoại thương. Từ đó, làm cơ sở cho việc nghiên cứu để làm sáng tỏ hơn nữa việc áp dụng các quy định pháp luật về thanh toán tín dụng chứng từ trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế qua thực tiễn ở Việt Nam, đánh giá được vai trò, lợi ích, cũng như những thành tựu đã đạt được mà phương thức tín dụng chứng từ mang lại. Mặt khác, nắm được tình hình xuất, nhập khẩu trong nước, một số điểm cần lưu ý cũng như những hạn chế và rủi ro khi sử dụng phương thức này trong mua bán hàng hóa quốc tế. Để từ đó, đề xuất các giải pháp, đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về phương thức thanh toán tín dụng chứng từ, thúc đẩy hoạt động thương mại quốc tế phát triển.